

Số: 160/2026/QĐST-HNGĐ

Hưng Yên, ngày 18 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 298/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2026 giữa:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị X, sinh năm 1996

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1992

Trú tại: Ấp N L, xã N T, tỉnh H Y

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Phương L, sinh ngày 29/4/2020 và Nguyễn Quốc C, sinh ngày 07/11/2022

Người đại diện theo pháp luật cho cháu L, C: Chị X

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213; Khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55,81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09/6/2026

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09/6/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Vũ Thị X và anh Nguyễn Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chị Vũ Thị X và anh Nguyễn Văn T thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Chị X nuôi cả hai con chung tên Nguyễn Phương L, sinh năm 2020, Nguyễn Quốc C, sinh năm 2022 đến tuổi thành niên, anh T cấp dưỡng tiền nuôi con với số tiền 1.500.000 đồng/tháng/cháu, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 07/2026 cho đến khi các con chung đến tuổi thành niên. Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Vì quyền lợi của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con; yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức : Chị X, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị X tự nguyện chịu cả 150.000 đồng tiền án phí STDS. Đối trừ số tiền 300.000 đồng chị X đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0002409 ngày 11/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên, Hoàn trả chị X số tiền 150.000 đồng. Anh T phải chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 1- Hưng Yên;
- UBND xã Nguyễn Trãi, Hưng Yên;
- Cục THADS tỉnh Hưng Yên;
- Phòng NVKTGD tòa án tỉnh Hưng Yên;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đồng D

